

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 70/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 26/2025/TT-BTP ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 15/2026/TT-BKHCN ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

Căn cứ Kế hoạch số 306/KH-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước và chi ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Sở Y tế ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, như sau:

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Y tế chủ trì trong Kế hoạch xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương (QCĐP) về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt; xác định rõ đầu việc, sản phẩm, trách nhiệm, tiến độ và cơ chế phối hợp để tổ chức thực hiện thống nhất, đúng trình tự, thủ tục.

Bảo đảm quá trình xây dựng QCĐP có đầy đủ căn cứ pháp lý, căn cứ khoa học và dữ liệu thực tế về nguồn nước, công nghệ xử lý, chất lượng nước, điều kiện kinh tế - xã hội và yêu cầu quản lý của tỉnh; QCĐP sau khi ban hành có tính khả thi, đồng bộ với QCVN 01-1:2024/BYT và đáp ứng yêu cầu bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

2. Yêu cầu

Tuân thủ đúng trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành và đăng ký QCĐP theo quy định hiện hành; bảo đảm tiến độ hoàn thành dự kiến trong tháng 12 năm 2027.

Kế thừa có chọn lọc kết quả kỹ thuật của QCĐP 01:2023/QNg và QCĐP 01:2025/KT; đồng thời rà soát, đánh giá bằng dữ liệu thực tế trước khi xác định danh mục thông số áp dụng thống nhất trên toàn tỉnh bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, khả thi; không tạo gánh nặng không cần thiết cho đơn vị cấp nước, đồng thời không làm giảm mức độ bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

Phân công rõ cơ quan, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, người/đầu mối thực hiện và sản phẩm đầu ra đối với từng nhiệm vụ; không giao nhiệm vụ chung chung, không để chồng chéo hoặc bỏ sót trách nhiệm.

Thường xuyên kiểm tra tiến độ, kịp thời xử lý khó khăn, vướng mắc; thực hiện chế độ báo cáo theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan có thẩm quyền.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ NGUYÊN TẮC TRIỂN KHAI

1. Phạm vi

Triển khai các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của Sở Y tế trong toàn bộ quá trình xây dựng QCĐP về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, từ tổ chức bộ máy thực hiện, thu thập và chuẩn hóa dữ liệu, biên soạn dự thảo, tham vấn, thẩm định, xin ý kiến cơ quan quản lý chuyên ngành, trình ban hành, đăng ký đến tổ chức phổ biến và chuẩn bị triển khai sau khi QCĐP được ban hành.

2. Đối tượng phối hợp

Các phòng thuộc Sở Y tế; Trung tâm Kiểm soát bệnh tật; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tư pháp; Sở Tài chính; Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn; đơn vị cấp nước; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan theo yêu cầu.

IV. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ CHÍNH

1. Công tác chỉ đạo điều hành thực hiện

Thành lập Tổ soạn thảo xây dựng QCĐP trên cơ sở Kế hoạch số 306/KH-UBND và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh; xây dựng quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ và chế độ làm việc của Tổ soạn thảo theo quy định.

Phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế là đầu mối điều phối, theo dõi tiến độ; Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi là đầu mối kỹ thuật, dữ liệu và đánh giá chuyên môn về chất lượng nước; các thành viên Tổ soạn thảo thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Tổ trưởng.

2. Thu thập, chuẩn hóa và quản lý dữ liệu

Lập danh mục và hồ sơ dữ liệu cần thu thập đối với các đơn vị cấp nước; cập nhật thông tin 62 đơn vị cấp nước được xác định trong Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thu thập kết quả nội kiểm, ngoại kiểm, thông tin nguồn nước, công nghệ xử lý, hóa chất, mạng lưới phân phối, sự cố chất lượng nước và các dữ liệu liên quan trong giai đoạn 2023–2025.

Thu thập dữ liệu quan trắc nước mặt, nước dưới đất; dữ liệu nguồn thải, hoạt động công nghiệp, nông nghiệp, hóa chất bảo vệ thực vật và các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến nguồn nước.

Chuẩn hóa dữ liệu theo cùng đơn vị đo, phương pháp thử, thời gian, địa điểm, đơn vị cấp nước và nhóm thông số; lập cơ sở dữ liệu điện tử phục vụ phân tích.

3. Đánh giá hiện trạng và phân tích nguy cơ

Đánh giá đặc điểm nguồn nước; phân loại nguồn nước mặt/nước dưới đất và các nhóm nguy cơ chính; Đánh giá công nghệ xử lý, khả năng loại bỏ chất ô nhiễm, các hóa chất sử dụng và các điểm có nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng nước sau xử lý; đánh giá khả năng đáp ứng xét nghiệm, năng lực phòng thử nghiệm và tính khả thi về tần suất giám sát.

Phân tích kết quả xét nghiệm theo thời gian, theo đơn vị cấp nước, theo nguồn nước và theo nhóm thông số; xác định các thông số có bằng chứng xuất hiện hoặc có nguy cơ cần quản lý.

4. Rà soát và đề xuất danh mục thông số

Lập ma trận đối chiếu toàn bộ 99 thông số của QCVN 01-1:2024/BYT với QCĐP 01:2023/QNg và QCĐP 01:2025/KT.

Đối với từng thông số, xác định rõ: Có/không có trong QCĐP đã ban hành; số liệu xét nghiệm; mức độ phát hiện; nguồn nước liên quan; nguy cơ sức khỏe; công nghệ xử lý; khả năng xét nghiệm; chi phí và đề xuất lựa chọn.

Đối với thông số chưa có dữ liệu hoặc dữ liệu chưa đủ để kết luận, lập danh mục cần bổ sung khảo sát/xét nghiệm (nếu cần).

Xây dựng báo cáo chuyên môn đề xuất danh mục thông số, giới hạn và nội dung quản lý để Tổ soạn thảo xem xét; thuyết minh và các tài liệu kỹ thuật được cập nhật trong suốt quá trình biên soạn dự thảo QCĐP.

5. Biên soạn dự thảo QCĐP và hoàn thiện hồ sơ

Biên soạn dự thảo QCĐP theo quy định, trên cơ sở QCVN 01-1:2024/BYT và kết quả rà soát, đánh giá thực tế trên địa bàn tỉnh;

Xây dựng thuyết minh dự thảo QCĐP theo hướng dẫn; mô tả căn cứ, phương pháp, dữ liệu, tiêu chí lựa chọn thông số và đánh giá tính khả thi; tổ chức đánh giá tác động của dự thảo QCĐP với sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và lập báo cáo đánh giá tác động theo quy định.

Tổ chức họp Tổ soạn thảo, hoàn thiện hồ sơ dự thảo QCĐP để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, gửi lấy ý kiến và tham vấn các bên liên quan theo quy định.

6. Tham vấn, thẩm định, xin ý kiến cơ quan quản lý chuyên ngành và trình ban hành

Tổ chức xin ý kiến tham vấn phù hợp; ưu tiên lấy ý kiến đơn vị cấp nước và cá nhân chịu sự tác động trực tiếp của QCĐP; tổ chức lấy ý kiến rộng rãi, đăng tải công khai hồ sơ dự thảo trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn đo lường chất lượng và Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh; thời gian lấy ý kiến ít nhất 60 ngày; đồng thời thực hiện việc gửi dự thảo đến cơ quan thông báo và điểm hỏi đáp của địa phương để xác định sự cần thiết phải thông báo cho WTO theo quy định.

Lập hồ sơ dự thảo QCĐP theo quy định; trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ dự thảo QCĐP.

Tiếp thu, giải trình ý kiến tham vấn và hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu; thực hiện các bước tiếp theo của quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành QCĐP theo quy định.

Sau khi có ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành và hoàn thiện hồ sơ theo quy định, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành QCDP; thực hiện đăng ký QCDP theo quy định sau khi được ban hành.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí: Sử dụng nguồn kinh phí đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho ngành Y tế tại Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có) theo quy định.

2. Nội dung chi: Tổ chức họp Tổ soạn thảo; khảo sát, thu thập và xử lý dữ liệu; lấy mẫu, xét nghiệm bổ sung khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hội nghị, hội thảo tham vấn; biên soạn, hoàn thiện hồ sơ; thuê chuyên gia, tư vấn (nếu có và đủ điều kiện); công khai, phổ biến và các nội dung chi hợp pháp khác phục vụ xây dựng QCDP.

3. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật lập kế hoạch chi tiết kèm dự toán đối với các nhiệm vụ được giao, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành. Đối với các nội dung phát sinh ngoài dự toán được giao, đơn vị chủ trì báo cáo Giám đốc Sở để xem xét, xử lý hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền theo quy định.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trưởng các phòng thuộc Sở, Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh và thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này chủ động tổ chức thực hiện, bảo đảm đúng tiến độ và chất lượng.

1. Phòng Nghiệp vụ Y

Đầu mỗi tham mưu Lãnh đạo Sở Y tế chỉ đạo, đôn đốc toàn diện tiến độ triển khai Kế hoạch, trong quá trình thực hiện, nếu văn bản pháp luật có liên quan được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc có yêu cầu mới của cơ quan có thẩm quyền kịp thời tham mưu điều chỉnh Kế hoạch cho phù hợp.

Chủ trì phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan xây dựng QCDP bảo đảm trình tự, thủ tục theo quy định và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương; tham mưu tổ chức lấy ý kiến tham vấn rộng rãi, gửi Bộ Y tế và Bộ Khoa học & Công nghệ cho ý kiến.

Thực hiện thông tin, báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện việc xây dựng QCDP về Sở Khoa học và Công nghệ để báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật

Là đầu mối kỹ thuật, chủ trì tham mưu và thực hiện các nội dung chuyên môn về chất lượng nước thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của ngành Y tế;

phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan bảo đảm cơ sở khoa học và chất lượng kỹ thuật của dự thảo QCĐP.

Chủ động tham mưu lãnh đạo Sở Y tế, Tổ soạn thảo các nội dung, nhiệm vụ chính trong xây dựng QCĐP theo Kế hoạch số 306/KH-UBND đảm bảo chất lượng và đúng tiến độ. Thiết lập bảng theo dõi tiến độ gồm 04 trạng thái: Hoàn thành; đang thực hiện; có nguy cơ chậm; chậm. Định kỳ trước ngày 10 hàng tháng báo cáo lãnh đạo Sở Y tế (qua phòng Nghiệp vụ Y) biết chỉ đạo. Lưu ý báo cáo phải kèm danh mục sản phẩm đã hoàn thành, sản phẩm còn thiếu và kiến nghị xử lý.

Phối hợp Phòng Nghiệp vụ Y nghiên cứu QCĐP đã được ban hành trước sáp nhập, đề xuất, lựa chọn các thông số đưa vào dự thảo QCĐP dùng chung đảm bảo tính khoa học, tiết kiệm, đúng quy định. Hồ sơ kỹ thuật phải lưu đồng bộ với hồ sơ pháp lý, biên bản họp, ý kiến tham vấn, báo cáo tiếp thu, giải trình và hồ sơ thẩm định.

Chủ trì phối hợp với Phòng Nghiệp vụ Y và các cơ quan, đơn vị liên quan làm việc, hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị cấp nước cung cấp đầy đủ dữ liệu theo yêu cầu của Kế hoạch; chủ động đề xuất khảo sát, lấy mẫu, xét nghiệm bổ sung khi cần thiết và theo quy định.

Bố trí, sắp xếp nhân lực tham gia Tổ soạn thảo và chịu trách nhiệm chuẩn bị chương trình, tài liệu và tổ chức các cuộc họp theo phân công.

3. Các phòng thuộc Sở Y tế: theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp rà soát nội dung chuyên môn và thực hiện nhiệm vụ khi có yêu cầu.

4. Các sở, cơ quan, đơn vị liên quan (*Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, các đơn vị cấp nước và các cơ quan, tổ chức có liên quan*)

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Y tế và Tổ soạn thảo trong việc xây dựng QCĐP về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo Kế hoạch số 306/KH-UBND và các quy định có liên quan.

Tạo điều kiện cho thành viên được cử tham gia Tổ soạn thảo thực hiện nhiệm vụ; cung cấp thông tin, số liệu, tài liệu và phối hợp xử lý các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị theo yêu cầu của Tổ soạn thảo.

5. Chế độ thông tin, báo cáo và kiểm soát tiến độ

Các đơn vị được giao nhiệm vụ báo cáo tiến độ và sản phẩm theo thời hạn tại Phụ lục của Kế hoạch; trường hợp có nguy cơ chậm phải báo cáo ngay, nêu rõ nguyên nhân và đề xuất biện pháp xử lý.

Phòng Nghiệp vụ Y tổng hợp tiến độ, báo cáo lãnh đạo Sở định kỳ hằng tháng (15 hàng tháng) trong giai đoạn biên soạn năm 2026 và theo các mốc thủ tục trong năm 2027, đồng thời thực hiện báo cáo theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Khoa học và Công nghệ.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng QCĐP. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Y tế để tổng hợp, xem xét, hướng dẫn hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (b/c);
- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- GD, PGD Sở Y tế;
- Viện Pasteur Nha Trang;
- Các Sở: Tư pháp, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công Thương;
- Tổ Soạn thảo QCĐP (QĐ 3121/QĐ-SYT);
- VPUB: CVP, PCVP, NMT, KGVX_{LMC581};
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Các phòng thuộc Sở Y tế;
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật;
- Trung tâm NS&VSMT nông thôn;
- Công ty CP cấp thoát nước & Xây dựng Quảng Ngãi;
- Nhà máy nước VinaConex Dung Quất;
- Công ty Cổ phần cấp nước Kon Tum.
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TTKSBT, NVY_(Hà).

GIÁM ĐỐC



Võ Văn Thanh

